

Bản án số: 162/2021/HS-ST
Ngày 30 - 11 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Viết Tuấn – Phó Chủ tịch Hội chữ đỏ Quận 8.
2. Ông Dương Văn Dân – Trưởng phòng Giáo dục và đào tạo Quận 8.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2021/QĐXXST-HS ngày 16/11/2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc H; sinh năm 1986, tại BL; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: 98/490 CVL, Khóm T, Phường W, thành phố BL, tỉnh BL; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 (đã chết) và bà Lý Thị T1; có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 30/5/2019, Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 50/2019/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng. Bị cáo khiếu nại, ngày 02/7/2019, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định huỷ Quyết định 50/2019/QĐ-TA và đình chỉ việc xem xét, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Toà án nhân dân Quận 5 do bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2020 đến nay. (có mặt)

2. Huỳnh Kim B; sinh năm 1978, tại Gia Lai; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: 93 NTN, phường TS, thị xã AK, tỉnh GL; chỗ ở: Phòng số 202, nhà số 26 HKG, Phường N, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Thợ sơn xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Kim T2

(đã chết) và bà Lê Thị T3; vợ Phạm Thị Thu H2 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2020 đến nay. (có mặt)

3. Trần Phạm Nữ Xuân T; sinh năm 1985, tại B Thuận; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: 7/136 LK 5-6, phường BHHB, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân H3 và bà Phạm Thị Tuyết T4; có 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2020 đến nay. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 00 giờ 30 phút, ngày 03/11/2020, Công an Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm tra hành chính Phòng số 202, nhà số 26 HKG, Phường.N, Quận 8. Tại thời điểm kiểm tra, trong phòng có 02 người là Hoàng Kim B và Trần Phạm Nữ Xuân T. Qua kiểm tra, T tự lấy trong bóp vải màu nâu của T ra giao nộp 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (T khai nhận là ma túy của T dùng để sử dụng). Ngoài ra, Công an còn tạm giữ của T 01 điện thoại di động, 01 bóp vải màu nâu, số tiền 420.000 đồng; tạm giữ của B 01 điện thoại di động. Sau đó, Công an dẫn giải B, T về trụ sở để làm rõ. Tại Công an Phường 5, Quận 8, T khai nhận gói ma túy kê trên T mua của Nguyễn Ngọc H.

Vào khoảng 01 giờ 30 cùng ngày, Công an Phường 5, Quận 8 tiếp tục kiểm tra hành chính Phòng số 202 nêu trên. Tại thời điểm kiểm tra, trong phòng có Nguyễn Ngọc H, Công an yêu cầu H mở túi vải màu tím đang đặt trên giường để kiểm tra. Qua kiểm tra, Công an phát hiện thu giữ 01 hộp nhựa màu đen đựng 03 gói nylon chứa tinh thể không màu (H khai nhận đó là ma túy của H dùng để sử dụng). Ngoài ra, Công an còn tạm giữ của H 01 điện thoại di động, 02 bình dụng cụ sử dụng ma túy. Sau đó, Công an dẫn giải H về trụ sở làm rõ.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận: Căn phòng số 202 - Nhà số 26 HKG, Phường N, Quận 8 do Huỳnh Kim B thuê của anh Huỳnh Khả L từ ngày 01/10/2020 để ở. Nguyễn Ngọc H và Trần Phạm Nữ Xuân T là người quen biết với B đến xin ở nhờ trong thời gian tìm phòng trọ và được B đồng ý. Ngày 27/10/2020, H thuê xe ôm đến khu vực chợ Hồ Thị Kỷ, Quận 10 mua 01 gói ma túy tổng hợp của một người thanh niên tên Bốc (không rõ lai lịch) với giá 1.000.000 đồng. H đem gói ma túy về Phòng 202 của B, lấy một phần ma túy bỏ vào chiếc bình (dụng cụ sử dụng ma túy) và sử dụng cùng với T. Khi cả hai đang sử dụng ma túy thì B về đến, H và T chủ động mời B cùng sử dụng thì B đồng ý và đã sử dụng ma túy chung với H và T.

Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 28/10/2020, H tiếp tục lấy một phần ma túy mua của Bốc bỏ vào chiếc bình dụng cụ và sử dụng chung với T. Lúc này, B về đến phòng, H và T có mời B sử dụng ma túy chung nhưng lần này B không sử dụng và để mặc cho H cùng với T sử dụng ma túy tại Phòng 202 của B. Sau khi sử dụng ma túy xong, T đề nghị H bán cho T 200.000 đồng ma túy tổng hợp thì H đồng ý H và lấy một phần chất ma túy bỏ vào túi nylon bán cho T.

Do ma túy của tên Bốc kém chất lượng nên ngày 30/10/2020, H thuê xe ôm tới khu vực đường Vĩnh Viễn, Quận 10 hỏi mua 02 gói ma túy của một người phụ nữ (không rõ lai lịch) với giá 700.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, tại Phòng 202 của B, H lấy một phần ma túy vừa mua bỏ vào chiếc bình rồi cùng T sử dụng. Lúc này, B cũng vừa về đến phòng nhưng không sử dụng chung và cũng để mặc H và T sử dụng ma túy tại phòng của mình.

Khoảng 15 giờ ngày 02/11/2020, T lại tiếp tục đề nghị H bán cho T 200.000 đồng ma túy tổng hợp, H đồng ý và lấy phần ma túy mua của người phụ nữ bỏ vào gói nylon bán cho T.

Qua xét nghiệm thể hiện B, T và H đều dương tính với chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 1910/KLGD-H ngày 11/11/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói 1: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Huỳnh Kim B, Trần Phạm Nữ Xuân T và hình dấu Công an Phường 5 Quận 8 (kí hiệu m1) là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,1459g loại Methamphetamine;

- Gói 2: Được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Huỳnh Kim B, Nguyễn Ngọc H và hình dấu Công an Phường 5 Quận 8, bên trong có:

- + Tinh thể không màu trong 02 gói nylon (kí hiệu m2.1) đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 1,0967g loại Methamphetamine

- + Tinh thể không màu trong 01 gói nylon (kí hiệu m2.2) có khối lượng 4,0481g, không tìm thấy ma túy.

Quá trình điều tra ban đầu (tính đến thời điểm sau khi đã bị khởi tố bị can) Huỳnh Kim B khai nhận toàn bộ hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, lời khai của B phù hợp với lời khai của H, T và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong vụ án. Tuy nhiên, sau đó tại bản hỏi cung ngày 01/12/2020, bị cáo B thay đổi lời khai và không thừa nhận hành vi “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” đối với H và T tại Phòng 202 nhà số 26 HKG, Phường N, Quận 8, vì cho rằng lời khai nhận ban đầu là không tự nguyện, không đúng thực tế.

Vật chứng trong vụ án:

- 01 gói nylon được niêm phong số 1910 (gói 1) bên ngoài có chữ ký ghi tên Huỳnh Kim B, Trần Phạm Nữ Xuân T và hình dấu Công an Phường 5 Quận 8, chữ ký của giám định viên Huỳnh Thanh Thảo;

- 01 gói niêm phong số 1910 (gói 2) bên ngoài có chữ ký ghi tên Huỳnh Kim B, Nguyễn Ngọc H và hình dấu Công an Phường 5 Quận 8, chữ ký của giám định viên Huỳnh Thanh Thảo.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh sim số: 0878999xxx, 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen sim số: 0375245xxx và 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xám gắn sim số: 0793879xxx của cả 3 người B, T, H dùng để liên lạc với người thân.

- 02 chiếc bình (dụng cụ sử dụng ma túy); 01 túi vải màu tím; 01 hộp nhựa màu đen của H; 01 bóp vải màu nâu của T.

- Số tiền 420.000đ của T do làm thuê mà có.

Tại bản Cáo trạng số 98/CT-VKS ngày 19/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H về các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 251 và các điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Truy tố bị cáo Trần Phạm Nữ Xuân T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Truy tố bị cáo Huỳnh Kim B về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm b, d khoản 2 của Điều 256 bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo Nguyễn Ngọc H và Trần Phạm Nữ Xuân T thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện và quyết tâm sửa chữa lỗi lầm, sống có ích cho xã hội, không vi phạm pháp luật; các bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, để tạo điều kiện cho các bị cáo được tiếp tục hòa nhập với cuộc sống xã hội.

- Qua phần xét hỏi thẩm vấn cùng xem xét các tài liệu chứng cứ, phân tích pháp luật thì bị cáo Huỳnh Kim B đã xác nhận lời khai ban đầu là đúng khi có hành vi để mặc cho T và H sử dụng trái phép chất ma túy tại nơi ở của mình. Bị cáo đã nhận ra lỗi lầm và thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Trần Phạm Nữ Xuân T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và Huỳnh Kim B về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị như sau:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; các điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, từ 07 năm 06 tháng đến 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 03 tội; phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Phạm Nữ Xuân T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nghề nghiệp không ổn định.

Áp dụng các điểm b, d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Huỳnh Kim B từ 07 năm 06 tháng đến 09 năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nghề nghiệp không ổn định.

Về xử lý vật chứng, đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Trần Phạm Nữ Xuân T và Huỳnh Kim B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo về cơ bản phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định vào khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 03/11/2020, tại Phòng số 202 nhà số 26 HKG, Phường N, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Trần Phạm Nữ Xuân T có hành vi cất giữ trái phép 0,1459 gam ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine để sử dụng thì bị bắt quả tang, đây là tình tiết định tội quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo T.

Bị cáo T khai nguồn gốc ma túy bị cáo tàng trữ là do bị cáo mua của bị cáo H. H có hành vi bán trái phép chất ma túy cho T 02 lần vào các ngày 28/10/2020 và 02/11/2020). Đây là các tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo H. Ngoài ra, Nguyễn Ngọc H còn có hành vi cất giữ trái phép 1,0967 gam ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine để sử dụng, đây là tình tiết định tội theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Mặt khác, bị cáo H còn là người trực tiếp cung cấp ma túy và các dụng cụ cần thiết để bị cáo sử dụng chung ma túy với bị cáo T và bị cáo B một lần vào ngày 27/10/2020; H cùng T sử dụng 02 lần khác vào các ngày 28/10/2020 và 30/10/2020. Đây là các tình tiết định khung hình phạt quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo H.

Qua điều tra đã xác định, bị cáo Huỳnh Kim B dùng địa điểm là nơi ở của mình tại Phòng số 202 nhà số 26 HKG, Phường N, Quận 8 để cho các bị cáo H, T (đều là bạn bè

quen biết của bị cáo và là những người nghiện ma túy) sử dụng trái phép chất ma túy 03 lần vào các ngày 27/10/2020, 28/10/2020 và 30/10/2020.

[3] Trong giai đoạn điều tra, bị cáo B có sự thay đổi lời khai, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện với lý do là bị cáo khai nhận hành vi phạm tội khai báo gian dối với cơ quan Công an, lúc đầu khi bị cơ quan Công an bắt, đối tượng tên Phong (không rõ lai lịch) hướng dẫn bị cáo khai nhận tội để không lộ thông tin, lai lịch của Phong, lên Công an Phường 5, Quận 8 sẽ được cho về và không bị xử lý hình sự (bị cáo không có lưu giữ tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến nội dung hướng dẫn của Phong để bị cáo cung cấp cho Hội đồng xét xử). Nhưng sau đó bị cáo vẫn bị Cơ quan điều tra khởi tố nên bị cáo phải khai lại cho đúng sự thật. Tuy nhiên, qua phần xét hỏi thẩm vấn cùng xem xét các tài liệu, chứng cứ, phân tích pháp luật thì bị cáo B đã xác nhận lời khai ban đầu là đúng và thừa nhận về hành vi để mặc cho các bị cáo H, T sử dụng ma túy tại chỗ ở của mình (được thể hiện tại các bút lục trong hồ sơ: 15, 30, 34, 51, 53, 64, 66). Bị cáo B cũng thừa nhận không có mâu thuẫn gì với H và T; quá trình điều tra không bị đe dọa, không bị bức cung, không bị dùng nhục hình; việc khai nhận về hành vi phạm tội là do các bị cáo tự khai nhận, cơ quan điều tra, điều tra viên không dẫn cung, không ép cung, không đe dọa và không có dùng nhục hình trong quá trình điều tra vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bị cáo B có hành vi chứa chấp, để mặc cho các bị cáo H và T sử dụng trái phép chất ma túy tại nơi ở do B quản lý.

[4] Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” như sau:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” như sau:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”

Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” như sau:

“ 1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”

Điều 256 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” như sau:

“1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Đối với 02 người trở lên;

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[5] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy và an toàn xã hội. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc H đã đủ yếu tố cấu thành các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy; Mua bán trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 251; các điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); hành vi của bị cáo Trần Phạm Nữ Xuân T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm

2017); hành vi của bị cáo Huỳnh Kim B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[7] Năm 2019, bị cáo Nguyễn Ngọc H sử dụng và nghiện chất ma túy, mặc dù được xác định không phải đối tượng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng Hội đồng xét xử cũng xem xét để có mức hình phạt phù hợp với nhân thân bị cáo.

[8] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H, Trần Phạm Nữ Xuân T và Huỳnh Kim B là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo. Các bị cáo T, B có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần về hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[9] Về hình phạt bổ sung, xét hành vi phạm tội của bị cáo H là nhằm thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H.

[10] Xét thấy hành vi của các bị cáo B và T không nhằm mục đích thu lợi bất chính, đồng thời theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo B và bị cáo T.

[11] Về vật chứng vụ án, quá trình điều tra thu giữ số ma túy trong gói niêm phong số 1910 (gói 1, gói 2); 02 chiếc bình dụng cụ sử dụng ma túy; 01 túi vải màu tím; 01 bóp vải màu nâu và 01 hộp nhựa màu đen. Xét là vật cấm tàng trữ, lưu hành và công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

[12] 01 điện thoại di động hiệu Oppo tạm giữ của các bị cáo B; 01 điện thoại di động hiệu Oppo tạm giữ của các bị cáo T và 01 điện thoại di động hiệu Nokia tạm giữ của các bị cáo H, là tài sản cá nhân của các bị cáo. Xét các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho các bị cáo.

[13] Số tiền 420.000 đồng tạm giữ của bị cáo T là tiền bị cáo làm công mà có, xét không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo T.

[14] Đối với người thanh niên tên Bốc và người phụ nữ bán ma túy cho H do không xác định được lai lịch nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xử lý, do đó Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[15] Anh Huỳnh Khả L cho bị cáo B thuê nhà nhưng không biết các bị cáo dùng phòng thuê để tàng trữ, chứa chấp và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xử lý, do đó Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[16] Về án phí hình sự: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy; Mua bán trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Trần Phạm Nữ Xuân T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và bị cáo Huỳnh Kim B phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; các điểm a, b khoản 2 khoản 5 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 07 (bảy) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của ba tội là 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/11/2020.

Phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Phạm Nữ Xuân T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/11/2020.

- Căn cứ vào các điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Kim B 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/11/2020.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) gói niêm phong số 1910 (gói 1) bên ngoài có chữ ký ghi tên Huỳnh Kim B, Trần Phạm Nữ Xuân T, hình dấu Công an Phường 5, Quận 8 và chữ ký giám định viên Huỳnh Thanh Thảo.

+ 01 (một) gói niêm phong số 1910 (gói 2) bên ngoài có chữ ký ghi tên Huỳnh Kim B, Nguyễn Ngọc H, hình dấu Công an Phường 5, Quận 8 và chữ ký của giám định viên Huỳnh Thanh Thảo.

+ 02 (hai) chiếc bình (dụng cụ sử dụng ma túy); 01 (một) hộp nhựa màu đen; 01 (một) túi vải màu tím và 01 (một) bóp vải màu nâu.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc H: 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu xám gắn sim số: 0793879xxx.

Trả lại cho bị cáo Trần Phạm Nữ Xuân T: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh đen gắn sim số: 0375245xxx và số tiền 420.000 (bốn trăm hai mươi nghìn) đồng.

Trả lại cho bị cáo Huỳnh Kim B: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh đen gắn sim số: 0878999xxx.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/4/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8).

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Ngọc H, Trần Phạm Nữ Xuân T và Huỳnh Kim B nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc